

GIÁO TRÌNH

**BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM
DAY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

CƠ SỞ CHUNG CỦA GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

S
P
K
T

GIÁO TRÌNH

**BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM
DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

CƠ SỞ CHUNG CỦA GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**TÁC GIẢ:
DƯƠNG THỊ KIM OANH
BÙI THỊ BÍCH
DIỆP PHƯƠNG CHI**

**LƯU HÀNH NỘI BỘ
NĂM 2022**

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dẫn dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo. Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Trong chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp (Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 4 năm 2022), *Cơ sở chung của giáo dục nghề nghiệp* là mô-đun bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản nền tảng của sư phạm nghề nghiệp. Sau khi hoàn thành mô-đun này, người học có khả năng trình bày mục tiêu, đặc điểm của giáo dục nghề nghiệp; các mô hình và phương thức đào tạo nghề; hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam và mô hình giáo dục nghề nghiệp của một số nước trên thế giới; phân tích bản chất của tâm lý học giáo dục nghề nghiệp và giải thích cơ sở tâm lý của hoạt động dạy - học trong giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh đó, người học còn có khả năng áp dụng (1) mô hình và phương thức giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy - học vào quá trình đào tạo; (2) kiến thức tâm lý và giáo dục vào hoạt động giáo dục người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Để đạt được các mục tiêu học tập này, Mô-đun *Cơ sở chung của giáo dục nghề nghiệp* gồm 4 bài học sau:

Bài 1: Khái quát về giáo dục nghề nghiệp

Bài 1 trình bày khái niệm nghề nghiệp và giáo dục nghề nghiệp, mục tiêu và đặc điểm giáo dục nghề nghiệp, các mô hình và phương thức giáo dục nghề nghiệp, hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam và một số nước trên thế giới.

Bài 2: Cơ sở tâm lý học của giáo dục nghề nghiệp

Để tổ chức quá trình dạy học và giáo dục cho người học trình độ trung cấp và cao đẳng đạt kết quả tốt, nhà giáo cần dựa trên cơ sở tâm lý học về hoạt động học và hoạt động dạy. Bài 2 phân tích các cơ sở tâm lý của hoạt động học như sự phát triển tâm lý của người học, bản chất tâm lý của học tập, phong cách học tập, lý thuyết học tập, các mô hình học tập của người học trong giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh đó, các cơ sở tâm lý của hoạt động dạy như thái độ, cảm xúc, tính cách, hành vi của nhà giáo trong lớp học, cơ sở tâm lý của dạy lý thuyết, thực hành và tích hợp, và các chiến lược dạy học hiệu quả trong lớp học cũng được đề cập sâu trong bài học này.

Bài 3: Quá trình dạy - học nghề

Bài 3 tập trung phân tích những vấn đề chung của quá trình dạy học nghề như thành tố của quá trình dạy học nghề, bản chất, logic và nguyên tắc dạy học nghề. Bài 3 còn trình bày các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học nghề.

Bài 4: Hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Các vấn đề về mục đích, nội dung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp đề trình bày trong Bài 4.

Tài liệu *Cơ sở chung của giáo dục nghề nghiệp* được biên soạn bởi các giảng viên của Viện Sư phạm Kỹ thuật - Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa, trích dẫn từ nhiều nguồn tài liệu của các nhà khoa học ở trong và ngoài nước đã công bố trên ấn phẩm in hoặc trực tuyến. Nhóm biên soạn xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các nhà khoa học đã chia sẻ nguồn tư liệu khoa học được trích dẫn trong tài liệu học tập này. Bên cạnh đó, tài liệu này cũng là sự tổng hợp các kinh nghiệm quý về chuyên môn của nhóm tác giả nhiều năm trực tiếp tham gia công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Trong quá trình biên soạn tài liệu, mặc dù đã có nhiều cố gắng song không thể tránh khỏi các hạn chế nhất định. Nhóm tác giả kính mong nhận được phản hồi từ người học và bạn đọc về nội dung tài liệu này để tiếp tục chỉnh sửa và hoàn thiện.

Trân trọng!

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	BÀI 1. KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	1
2	1. Khái niệm nghề nghiệp và giáo dục nghề nghiệp	1
3	2. Mục tiêu và đặc điểm của giáo dục nghề nghiệp	1
4	3. Các mô hình và phương thức giáo dục nghề nghiệp	5
5	4. Hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam và một số nước trên thế giới	13
6	5. Thực hành, thảo luận	15
7	BÀI 2. CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	17
8	1. Khái niệm, bản chất và tầm quan trọng của tâm lý học giáo dục nghề nghiệp đối với nhà giáo	17
9	2. Cơ sở tâm lý của hoạt động học	26
10	3. Cơ sở tâm lý của hoạt động dạy	40
11	4. Thực hành, thảo luận	77
12	BÀI 3. QUÁ TRÌNH DẠY - HỌC NGHỀ	78
13	1. Những vấn đề chung của quá trình dạy - học nghề	78
14	2. Phương pháp dạy học nghề	82
15	3. Hình thức tổ chức dạy học nghề	86
16	4. Thực hành, thảo luận	88
17	BÀI 4. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	89
18	1. Mục đích và nội dung hoạt động giáo dục nghề nghiệp	89
19	2. Hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp	90
20	3. Thực hành, thảo luận	91
21	TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

BÀI 1

KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Thời gian thực hiện: 04 giờ

A. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

- Kiến thức: Trình bày được mục tiêu và đặc điểm của giáo dục nghề nghiệp; các mô hình và phương thức giáo dục nghề nghiệp; mô tả được hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam và mô hình giáo dục nghề nghiệp của một số nước trên thế giới.
- Kỹ năng: Nhận diện được các mô hình và phương thức giáo dục nghề nghiệp tiên tiến theo định hướng phát triển năng lực người học; Áp dụng được mô hình và phương thức đào tạo nghề vào thiết kế và tổ chức dạy học trong giáo dục nghề nghiệp.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động, linh hoạt áp dụng các mô hình và phương thức giáo dục nghề nghiệp vào thiết kế và tổ chức dạy học trong giáo dục nghề nghiệp.

B. NỘI DUNG

1. Khái niệm nghề nghiệp và giáo dục nghề nghiệp

1.1. Nghề nghiệp

Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội¹. Nghề có các đặc trưng sau:

- Đó là hoạt động, là công việc thuộc lao động của con người có tính chu kỳ
- Là sự phân công trong lao động xã hội, phù hợp yêu cầu xã hội.
- Nhằm tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần để con người tồn tại và phát triển, là phương tiện sinh sống (làm thuê hoặc tự làm cho bản thân).
- Là lao động có kỹ năng, kỹ xảo chuyên biệt, có giá trị trao đổi trong xã hội.
- Nghề nghiệp là một công việc được xã hội công nhận, tạo thu nhập cho cá nhân và mang lại lợi ích cho xã hội.

1.2. Giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục nghề nghiệp là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên (Điều 3, Luật Giáo dục nghề nghiệp, 2014).

2. Mục tiêu và đặc điểm của giáo dục nghề nghiệp

2.1. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục nghề nghiệp là một bộ phận của giáo dục nói chung, được xem là một quá trình tổ chức có ý thức, hướng tới khơi dậy, biến đổi nhận thức, năng lực, tình cảm, thái độ của đối tượng được giáo dục theo hướng hoàn thiện và phát triển nhân cách nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của con người trong xã hội hiện đại. GDNN bao gồm việc dạy và học, nó được ví như con đường cơ bản mà thông qua đó kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp sẽ được kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác.

¹ Chuyên trang giáo dục nghề nghiệp. Khai niệm chung về nghề. <https://gdnn.edu.vn/Huong-ngheiep/khai-niem-chung-ve-nghe-103.html>

Giáo dục nghề nghiệp luôn thể hiện tính lịch sử cụ thể và được ra đời trên một nền tảng kinh tế - xã hội, trình độ phát triển khoa học, công nghệ và sản xuất - kinh doanh nhất định. Vì vậy, ở mỗi quốc gia đều có một hệ thống GDNN đặc thù. Theo Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung (2009) của Việt Nam thì GDNN bao gồm: Trung cấp chuyên nghiệp và Dạy nghề. Trung cấp chuyên nghiệp được thực hiện từ ba đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Dạy nghề được thực hiện dưới một năm đối với dạy học nghề trình độ sơ cấp, từ một đến ba năm đối với dạy học nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Trung cấp chuyên nghiệp nhằm đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng thực hành cơ bản của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và có tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào công việc. Dạy nghề nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ được đào tạo. Mục tiêu cụ thể đối với từng trình độ của giáo dục nghề nghiệp được quy định như sau:

a) Đào tạo trình độ sơ cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc đơn giản của một nghề;

b) Đào tạo trình độ trung cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ sơ cấp và thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;

c) Đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

2.2. Đặc điểm của giáo dục nghề nghiệp

GDNN không những mang các đặc điểm chung của GD và ĐT mà có những đặc điểm riêng. Dưới đây là một số đặc điểm riêng chủ yếu của GDNN.

▪ GDNN gắn liền chặt chẽ và đáp ứng nhu cầu của TTLĐ và việc làm

Mục tiêu hàng đầu của GDNN là tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm thông qua dạy học, bồi dưỡng năng lực từng học viên, người lao động sao cho phù hợp với những nhu cầu và yêu cầu của thị trường lao động trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Hơn bất cứ phân hệ giáo dục nào, GDNN gắn liền chặt chẽ với nhu cầu lao động về số lượng, về cơ cấu trình độ, ngành nghề với nhu cầu học tập và việc làm của người lao động, đáp ứng mục tiêu và nhiệm vụ phát triển KT - XH trong phạm vi toàn quốc lẫn vùng miền, địa phương. Đó là một trong những vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với GDNN, đáp ứng quy luật cung - cầu của thị trường lao động và việc làm.

Nhu cầu của thị trường lao động và nhu cầu học tập trong xã hội làm nảy sinh và kéo theo sự hình thành và phát triển thị trường dịch vụ GDNN đa dạng, mà trong đó quan hệ cung và cầu giữ vị trí thống trị. Quan hệ cung - cầu hợp lý giúp học viên, người lao động trong khoảng thời gian một hai năm, vài tháng, thậm chí chỉ cần vài tuần, thường là ngắn hơn nhiều so với thời gian học ở các phân hệ giáo dục khác, nhanh chóng tham gia vào TTLĐ và việc làm.

Quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh hay cơ chế cạnh tranh của thị trường lao động buộc GDNN phải lấy chất lượng dạy học là sự sống còn và coi dạy học làm sự gia tăng giá trị đích thực của nhân lực được dạy học để giành lợi thế trong thị trường lao động. Chính tính linh hoạt và thích ứng của thị trường lao động đòi hỏi GDNN một mặt phải tập trung mọi nỗ lực trang bị các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động mà người sử dụng lao động đang cần tuyển dụng, mặt khác phải thường xuyên điều chỉnh nội dung dạy học để nhằm đảm bảo tính linh hoạt giữa kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng cao hơn cho người lao động. Điều đó đòi hỏi phải có mối quan hệ chặt chẽ giữa các cơ sở GDNN với cơ sở sử dụng lao động dưới những hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp.

- **GDNN gắn kết chặt chẽ với quá trình lao động nghề nghiệp thực tế và công việc hàng ngày của người lao động.**

Thực chất trong GDNN học viên được đào tạo để hình thành những kiến thức, kỹ năng và thái độ lao động nghề nghiệp cần thiết cho việc thực hiện thành công quá trình lao động thực tế sau khi tốt nghiệp. Muốn vậy học viên phải được học lý thuyết và thực hành ngay trong quá trình lao động thực tế đó. Có ba cách thức để thực hiện quá trình dạy học trong GDNN: Đưa quá trình lao động vào trong nhà trường; Học viên được tham gia vào quá trình lao động thực tế; kết hợp cả hai cách thức trên.

Việc gắn kết chặt chẽ quá trình dạy học trong GDNN với quá trình lao động nghề nghiệp thực tế và công việc hàng ngày của người lao động có thể được thực hiện trước hết thông qua việc xây dựng ba loại mô hình: Mô hình hoạt động; Mô hình nhân cách và Mô hình nội dung dạy học và chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau trong quan niệm dạy học theo năng lực thực hiện.

Mô hình hoạt động thể hiện toàn bộ những nhiệm vụ và công việc cụ thể của người lao động ở một nghề/phân nghề nhất định với cấp độ năng lực nghề nghiệp tương ứng. Mô hình hoạt động được xác định thông qua phân tích nghề một cách công phu, thường là do phía sử dụng lao động tiến hành để có một sơ đồ phân tích nghề với những phương pháp và kỹ thuật phân tích nghề khác nhau. Ngày nay trên thế giới người ta sử dụng phổ biến kỹ thuật phân tích nghề DACUM (Developing A Curriculum) - một kỹ thuật rất hiệu quả, kết hợp với phương pháp chuyên gia.

Mô hình nhân cách thể hiện những kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người lao động cần có để thực hiện được những nhiệm vụ, công việc mà quá trình lao động thực tế đòi hỏi. Mô hình nhân cách được xác định thông qua việc phân tích kỹ từng công việc, nhiệm vụ, đưa ra thông tin sát thực tế để thực hiện từng công việc theo đúng yêu cầu, tiêu chuẩn thực hiện và nêu rõ yêu cầu người lao động cần phải có các kiến thức, kỹ năng và thái độ gì...

Mô hình nội dung dạy học trong GDNN thể hiện những nội dung cần được dạy và học giúp người học đạt được những kiến thức, kỹ năng và thái độ nhất định, từ đó hình thành nên nhân cách người lao động tương lai, tức là để hiện thực hóa mô hình nhân cách nói trên. Nội dung dạy học có thể được cấu trúc theo môn học, môđun hoặc kết hợp môn học với môđun. Hiện nay, ở nhiều nước trên thế giới đã và đang tổ chức GDNN theo hướng năng lực thực hiện (Competency based training). Theo đó đòi hỏi nội dung dạy học phải được cấu trúc theo môđun tích hợp hoàn toàn giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho việc tổ chức dạy học được linh hoạt và liên thông dễ dàng giữa các trình độ của người học, trên cơ sở đó tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho người học, người lao động dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, việc tổ chức dạy học theo môđun như vậy cũng đặt ra những yêu cầu cao về năng lực của GV cũng như về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguyên vật liệu,... Đây cũng chính là những yêu cầu mà hiện nay rất nhiều cơ sở GDNN nước ta khó đáp ứng.

- **GDNN tập trung trang bị năng lực thực hành nghề nghiệp và giáo dục đạo**

đức cho học viên

Mục tiêu của GDNN đòi hỏi nội dung GDNN phải tập trung giảng dạy những năng lực thực hành nghề nghiệp bao gồm kiến thức, kỹ năng lao động chung và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong một nghề cụ thể, coi trọng giáo dục đạo đức, rèn luyện tác phong công nghiệp “miệng nói tay làm” một cách thành thạo. Có thể nói rằng GDNN là nơi thể hiện tập trung, cụ thể và triệt để nhất nguyên lý giáo dục lý luận đi đôi với thực tiễn và học đi đôi với hành nhằm giúp cho học viên sau khi tốt nghiệp có được những năng lực thực hành nghề nghiệp đó.

▪ GDNN có tính mở, liên thông

Tính mở, liên thông trong GDNN thể hiện ở việc tổ chức quá trình dạy học hết sức linh hoạt, giúp cho học viên trong hệ thống GDNN có cơ hội học tập theo nhu cầu, điều kiện và khả năng của mình. Học viên có thể học trọn vẹn một khóa học tập trung trong một khoảng thời gian quy định để lấy văn bằng chứng chỉ và cũng có thể học một phần của nghề để đi làm, khi điều kiện cho phép họ có thể quay lại học tiếp phần nghề khác,... cho đến khi tích lũy đầy đủ các tín chỉ để được nhận văn bằng, chứng chỉ mong muốn. Người lao động có thể được học liên thông lên các trình độ cao hơn, được tạo cơ hội học tập suốt đời trong hệ thống GDNN và trong hệ thống giáo dục quốc dân.

GDNN ở Việt Nam một số năm vừa qua đã từng bước được củng cố và phát triển về quy mô và cơ cấu dạy học. Tuy nhiên, so với yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước với điều kiện nền kinh tế thị trường và xu thế toàn cầu hóa cũng như hội nhập quốc tế, GDNN nước ta còn có nhiều hạn chế, bất cập, đặc biệt là về chất lượng dạy học và đang phải đối mặt với những thách thức to lớn. Cũng như các phân hệ giáo dục khác, GDNN đang đứng trước mâu thuẫn hết sức gay gắt giữa quy mô ngày càng tăng và các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy học còn rất hạn chế. Đòi hỏi cấp bách hiện nay đối với GDNN là bên cạnh việc tăng quy mô cùng với việc đảm bảo cơ cấu hợp lý thì cũng phải đảm bảo chất lượng và hiệu quả dạy học đáp ứng được yêu cầu thực tế sử dụng lao động đã qua dạy học nghề.

Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã đề ra mục tiêu giáo dục nghề nghiệp là: Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghề nhân, chuyên gia, người dạy nghề. Hoàn thiện các chuẩn và chuẩn hóa nhà giáo, chú trọng kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghề nghiệp trong kỷ nguyên số, phương pháp dạy học hiện đại, tích hợp các kỹ năng cốt lõi mà thế kỷ 21 đòi hỏi cùng kỹ năng mềm, kỹ năng số, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp.

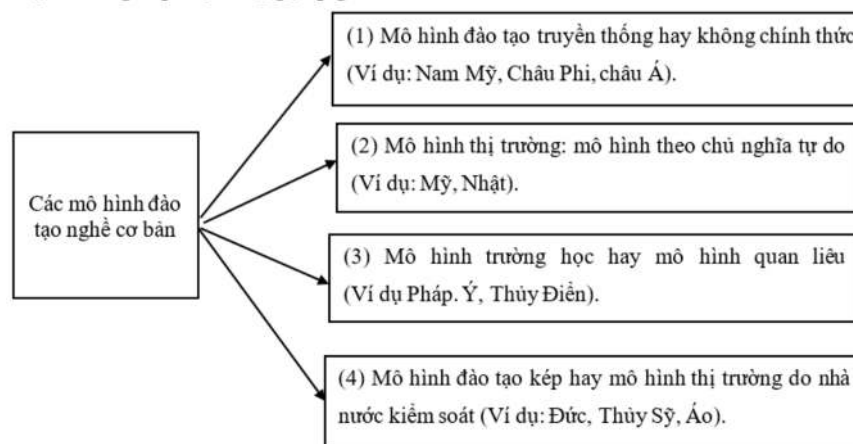
Tóm lại, GDNN là một phần quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần đào tạo đội ngũ lao động thực hành có trình độ sơ cấp và trung cấp về chuyên môn, nghiệp vụ trong các hầu hết các ngành kinh tế - xã hội của đất nước. Xu hướng phát triển chung của GDNN thời gian gần đây là: (1) Phân hóa chi tiết hơn về trình độ trong GDNN thành các cấp trình độ dạy nghề khác nhau, đó là ba cấp: Sơ cấp nghề; Trung cấp nghề; Cao đẳng nghề. (2) Nâng cao trình độ tuyển sinh do ngày càng có nhiều HS tốt nghiệp THPT, trong khi đó năng lực tiếp nhận của các cơ sở GD đại học nước ta còn rất hạn chế, thời gian học ở một số ngành nghề do đòi hỏi nâng cao trình độ nghề nghiệp. Xu hướng chung trong những năm tới là một bộ phận lớn các ngành nghề TCCN và một bộ phận lớn các trường TCCN hiện nay sẽ được nâng cấp, phân hóa và chuyển sang hệ dạy học sau trung học (Post - Secondary). Đồng thời với việc mở rộng phạm vi, các cấp trình độ dạy học dưới đại học phải liên thông với nhau cũng như với giáo dục phổ thông và đại học, điều này đòi hỏi phải điều chỉnh hay cơ cấu lại hệ thống GDNN hiện nay.

3. Các mô hình và phương thức giáo dục nghề nghiệp

3.1. Các mô hình giáo dục nghề nghiệp

3.1.1. Các mô hình đào tạo cơ bản

Trên phạm vi thế giới, xét về mối quan hệ, vai trò của nhà nước và trường học cũng như danh nghiệp có thể tổng hợp gồm 4 mô hình đào tạo cơ bản như sau:



Hình 1. 1 Các mô hình đào tạo nghề cơ bản²

(1) Mô hình đào tạo truyền thống, không chính thức (informal model)

Đặc điểm :

Đào tạo nghề theo mô hình truyền thống, không chính thức (informel modell) là đào tạo nghề mang tính chất truyền nghề từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Ưu điểm:

Bảo tồn các nghề truyền thống, giữ gìn các sản phẩm lâu đời, dễ thực hiện, giải quyết được lao động dư thừa tại chỗ hoặc lao động nông nhàn thời vụ. Giúp phát triển kinh tế bền vững và thân thiện môi trường.

Nhược điểm :

Hình thức này thiếu tổ chức bài bản. Học thông qua bắt chước lại, làm theo. Phạm vi của phương thức đào tạo trong mô hình đào tạo nghề này diễn ra trong gia đình, làng xã hay các phân xưởng xí nghiệp theo kiểu bắt chước và diễn ra ở nơi làm việc (on the Job). Việc học không có chương trình hay lớp học cụ thể. Đào tạo nghề không theo một chương trình kế hoạch đã được quy định. Nhà nước hình như không có can thiệp vào nội dung, chương trình và kế hoạch thời gian đào tạo.

Điều kiện áp dụng:

Các gia đình hay làng nghề truyền thống đều có thể là môi trường học tập cho các thế hệ hoặc người lao động, học sinh muốn học nghề.

(2) Mô hình đào tạo theo trường học (school model).

Đặc điểm:

Dạy và học nghề được diễn ra trong trường học, với sự tổ chức chặt chẽ theo hệ lớp bài. Học lý thuyết diễn ra trong lớp học, còn dạy và học thực hành thì diễn ra trong xưởng trường hoặc tích hợp (Ví dụ các nước theo mô hình đào tạo này: Phần lan, Việt nam...).

Ưu điểm:

Việc dạy và học diễn ra quy củ, nề nếp, khoa học, có mục tiêu rõ ràng và chuẩn đầu ra.

Nhược điểm:

Do thiếu liên kết với xí nghiệp hoặc liên kết rời rạc, phương thức này thường có các

² Andreas Schelten (2010): Leitfaden zur Vorlesung Einführung in die Berufspädagogik (<https://www.nova-nexus.de/wp-content/uploads/2018/04/lfeinfberufspaed-1.pdf>)

hạn chế như chương trình nội dung đào tạo không theo kịp yêu cầu của nghề nghiệp, nhưng học sinh được đào tạo cơ bản theo diện rộng. Học sinh ít có kinh nghiệm với nghề nghiệp của mình sau khi học xong.

Điều kiện thực hiện:

- Nhà nước lập kế hoạch, chuẩn chương trình đào tạo, tổ chức và kiểm soát việc đào tạo nghề. Chất lượng đào tạo do đó được xác định bởi nhà nước và ít hướng tới nhu cầu của doanh nghiệp.

- Đào tạo nghề được thực hiện ở cấp trung học phổ thông, sau trung học phổ thông và gắn liền giáo dục nghề nghiệp với giáo dục phổ thông. Nó là một phần của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Nhà trường tuyển sinh học sinh học nghề, chi phí học nghề có thể của nhà nước.

- Bằng cấp phù hợp với hệ thống văn bằng của quốc gia, là cơ sở để xếp bậc lương.

(3) Mô hình đào tạo nghề kép/song hành (Dual model).

Đặc điểm:

Mô hình đào tạo kép/song hành, còn được gọi là hệ thống giáo dục kép hoặc hệ thống đào tạo nghề kép, kết hợp học việc (đào tạo thực hành) với giáo dục chính quy (đào tạo lý thuyết), tạo ra những mối liên kết mật thiết giữa hệ thống giáo dục và ngành sản xuất kinh doanh.

Ưu điểm:

- Chương trình đào tạo kép làm tăng cơ hội việc làm trong tương lai. Tạo thuận lợi khi bắt đầu công việc mới (đối với người lao động)

- Giúp những người lao động trẻ hòa nhập với công việc mới dễ dàng hơn. Giảm chi phí tuyển dụng (đối với doanh nghiệp): nhờ hiệu suất theo quy mô, chi phí tuyển dụng sẽ thấp hơn.

- Phát triển sớm các kỹ năng liên quan đến công việc (đối với doanh nghiệp/ người lao động): lao động trẻ được học ngay từ khi còn trẻ cách thức áp dụng các kỹ năng cụ thể phù hợp với công việc và do đó làm tăng năng suất lao động.

- Giảm gánh nặng đối với ngân sách (đối với chính phủ): vì phần lớn kinh phí do khu vực tư nhân chi trả nên chính phủ có thể phân bổ ngân sách một cách hiệu quả hơn cho các lĩnh vực khác. điều này do bộ máy quản lý còn nhiều công kênh.

- Đào tạo người lao động trong chính môi trường làm việc của họ, với trang thiết bị tương tự cùng với người hướng dẫn giúp họ thu thập các kinh nghiệm thực tế và các tiêu chuẩn của chính công việc đó.

- Đòi hỏi có sự ràng buộc trách nhiệm đối với công ty xí nghiệp trong đào tạo nghề.

Nhược điểm:

Đào tạo kép có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình hình kinh tế hiện tại, qua đó các công ty có thể đảm bảo rằng các kỹ năng được đào tạo là những kỹ năng cần thiết nhất cho nền kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn (đối với nền kinh tế): tỷ lệ thất nghiệp của các nước áp dụng hệ thống đào tạo kép có xu hướng thấp hơn, đặc biệt là tỷ lệ thất nghiệp trong nhóm lao động trẻ.

Điều kiện áp dụng:

- HS-SV có thể bắt đầu nghề theo mô hình này sau khi hoàn thành trung học cơ sở và thời gian đào tạo sẽ kéo dài từ hai năm đến ba năm rưỡi. HS-SV học lý thuyết trung bình từ 1-2 ngày mỗi tuần ở trường và học các kỹ năng thực tế từ 3-4 ngày tại công ty, xí nghiệp. Sự phân bố thời gian học ở trường và công ty có thể thay đổi tùy chương trình. Khi kết thúc khóa học, HS-SV phải chứng minh rằng họ đã đạt được những kiến thức cần thiết bằng cách vượt qua các kỳ thi lý thuyết và thực hành. Hầu hết các hệ thống đào tạo này

được tài trợ bởi khu vực tư nhân và chính phủ trong khi phần lớn các khoản đầu tư đến từ các công ty cung cấp các chương trình đào tạo.

- Nhà nước kiểm soát, ban hành chương trình đào tạo cho trường học, chi trả lương và chi phí đào tạo tại trường học. Chương trình đào tạo nghề gắn liền với giáo dục phổ thông.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước (Bộ phụ trách lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp) và tư nhân (doanh nghiệp) trong việc tổ chức đào tạo. Doanh nghiệp tuyển sinh học sinh học nghề, chi trả học phí cho học sinh và chi phí đào tạo tại doanh nghiệp

- Chương trình học thực hành tại doanh nghiệp theo quy định của tổ chức khu vực tư nhân (hiệp hội nghề nghiệp). Đối với các công ty xí nghiệp nhỏ thiếu cơ sở đào tạo cơ bản nghề thì hiệp hội nghề nghiệp sẽ tổ chức cho người học được đào tạo trong trung tâm dạy nghề lúc ban đầu, sau đó học thực hành tại doanh nghiệp. Hình thức đào tạo tại doanh nghiệp khi người học đã học cơ bản về nghề theo hình thức học ngay tại chỗ lao động.

- Nơi học tập nghề nghiệp được diễn ra tại những nơi riêng biệt dành cho giáo dục nghề (đào tạo cơ bản) và ngay tại vị trí làm việc sau khi đã xong phần đào tạo kỹ năng cơ bản.

- Tổ chức học tập: hệ thống giảng dạy được thiết kế có chuyên môn, dựa trên một quy trình học tập có hệ thống gắn chặt với các quy luật quản lý học tập.

- Người huấn luyện, giảng dạy: xây dựng kế hoạch giảng dạy, hướng dẫn và quản lý quá trình học tập giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp.

(4) Mô hình đào tạo theo thị trường (Mark model)

Đặc điểm:

Đào tạo nghề được diễn ra ngay trong xí nghiệp hoặc trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các chương trình ngắn hạn có tính ứng dụng cao gắn liền với chỗ làm hoặc nhu cầu của người học. Yêu cầu của phương thức đào tạo này là người học có một trình độ giáo dục phổ thông cao hoặc đã có đào tạo cơ bản. (Ví dụ Anh, Nhật).

Ưu điểm:

- Chương trình mô hình đào tạo theo thị trường được thiết kế thiết thực theo nhu cầu người học định hướng thực tiễn nghề nghiệp hoặc để đáp ứng thi lấy chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng nghề (National Vocational Qualification - ví dụ ở nước Anh).

Hạn chế:

- Khóa đào tạo diễn ra trong thời gian ngắn.
- Người học nhận được các công việc có tay nghề thấp, nếu chỉ sau khi tốt nghiệp phổ thông vào học.
- Chỉ từ 23-25 tuổi trở lên mới tiếp tục bồi dưỡng nâng cao tay nghề.
- Đào tạo nghề toàn thời gian tại các trường Cao đẳng hoặc Viện nghiên cứu, do vậy không gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp, chỉ được thực hiện cho một phạm vi hẹp của một số nghề nghiệp (nếu so sánh với mô hình đào tạo kép) để lấy chứng nhận.

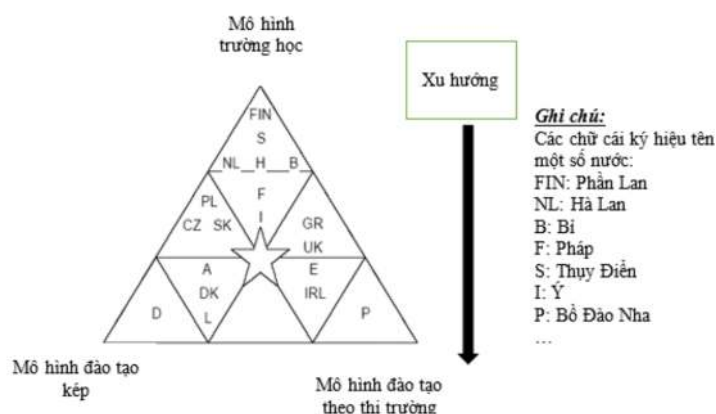
Điều kiện áp dụng:

- Nhà nước giữ vai trò hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, không kiểm soát.
- Dạy nghề không chịu tác động của các dịch vụ công (không sử dụng kinh phí từ nguồn nhà nước)
- Người học đã có trình độ phổ thông là đầu vào của mô hình này.
- Các nhà cung cấp khóa đào tạo nghề này là các công ty, tổ chức để bồi dưỡng nhân viên của họ hoặc khách hàng.
- Ngoài ra, các trường như trường Cao đẳng cộng đồng hoặc các Viện công nghệ cung

cấp cơ hội giáo dục linh hoạt cho thị trường lao động.

(5) Một số mô hình phối hợp

Trong thực tế, đào tạo nghề nhiều nước sử dụng kết hợp nhiều mô hình đào tạo khác nhau phù hợp với lịch sử, văn hóa và tình hình phát triển kinh tế xã hội, không nhất thiết như 4 mô hình đào tạo nghề cơ bản trên mà kết hợp các mô hình đào tạo cơ bản với nhau như mô hình đào tạo theo trường học với mô hình đào tạo kép (tiến dần đến mô hình đào tạo kép) hoặc kết hợp mô hình đào tạo trường học và mô hình thị trường (đào tạo theo nhu cầu của khách hàng). Hình dưới là các mô hình phối hợp các các nước EU. Xu hướng chung về mô hình đào tạo nghề là gắn nhà trường với doanh nghiệp và chuyển từ nhà nước chi trả cho đào tạo nghề sang hoạt động đào tạo nghề theo thị trường, nhà nước hỗ trợ nhằm khắc phục các hạn của các mô hình riêng lẻ.



Hình 1. 2 Mô hình đào tạo nghề một số nước Châu Âu.³

Về hình thức tổ chức đào tạo phối hợp giữa nhà trường và công ty xí nghiệp có thể theo hai mô hình: mô hình đào tạo nối tiếp và mô hình đào tạo luân phiên.

3.1.2. Các mô hình đào tạo liên kết trường học (cơ sở dạy nghề) với doanh nghiệp

Trên thế giới và tại Việt Nam hiện có rất nhiều mô hình đa dạng về liên kết trong đào tạo giữa cơ sở dạy nghề (CSDN) hay trường nghề và Doanh nghiệp (DoN). Tuy nhiên lựa chọn áp dụng mô hình thích hợp lại phụ thuộc vào điều kiện của từng CSDN, từng giai đoạn phát triển và mối quan hệ của CSDN với các tổ chức kinh tế và các đơn vị khác. Một số mô hình liên kết đào tạo giữa CSDN và DoN thường áp dụng như sau:

(1) Mô hình cơ sở dạy nghề độc lập nằm ngoài doanh nghiệp

Đặc điểm :

- Theo mô hình này các CSDN độc lập có phạm vi hoạt động rộng, một CSDN có thể liên kết đào tạo với nhiều doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các DoN và nhu cầu xã hội.

- Giữa CSDN và DoN không có nhiều ràng buộc, cơ chế phối hợp lỏng lẻo không phụ thuộc vào nhau, liên kết mang tính tự nguyện, chủ yếu căn cứ theo sự thỏa thuận, theo các hợp đồng, các đơn đặt hàng. Vì vậy thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa CSDN và DoN theo mô hình này là thách thức lớn đối với CSDN trong việc chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch, nội dung, các hình thức hợp tác với DoN cùng tác động đến quá trình đào tạo.

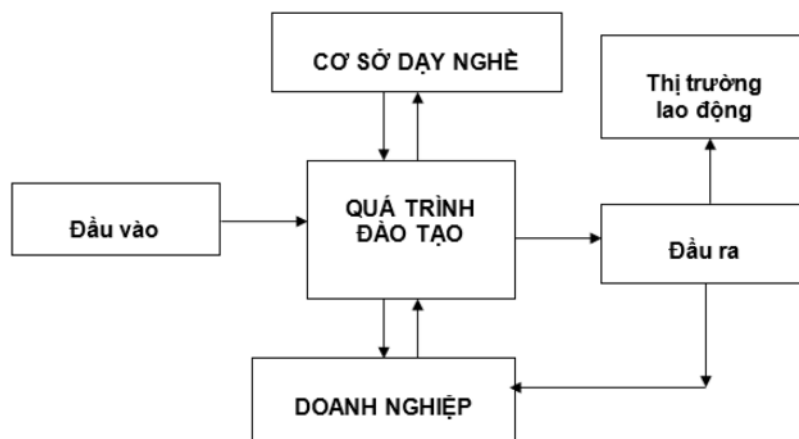
- Điều quan trọng và quyết định là các CSDN phải tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, tạo dựng thương hiệu và thu hút DoN đến với CSDN. Trong hệ thống đào tạo nghề, mô hình này tương đối phổ biến.

³ D. Münck: Berufsausbildung in der EU zwischen Dualität und “Monalität” – eine Alternative ohne Alternativen? In: berufsbildung 51 (1997) 45, S.6 (modifiziert und erweitert)

Điều kiện áp dụng:

- Đối với CSDN phải chủ động (xây dựng kế hoạch, chính sách,...); phải xây dựng chiến lược liên kết với DoN và tập trung nâng cao chất lượng đào tạo...

- Đối với DN phải xác định được quyền lợi và trách nhiệm đối với đào tạo nghề, trách nhiệm với xã hội và trách nhiệm với chính người lao động của doanh nghiệp.



Hình 1. 3. Liên kết trong mô hình CSDN độc lập với DoN

(2) Mô hình liên kết trong mô hình CSDN thuộc doanh nghiệp

Đặc điểm :

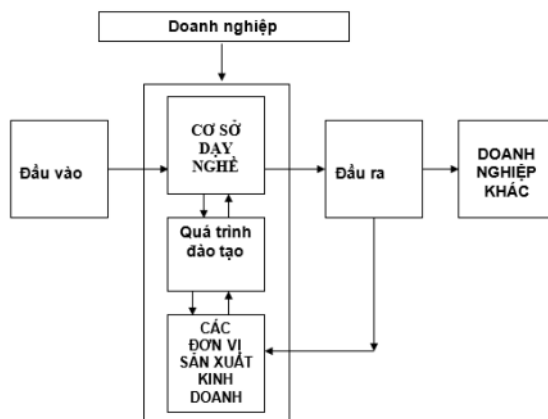
Theo mô hình này các CSDN thuộc DoN sẽ có thế mạnh trong việc xây dựng cơ chế và duy trì các mối quan hệ với các đơn vị sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Đây là mô hình rất hiệu quả, CSDN tổ chức đào tạo theo địa chỉ xác định tại các vị trí làm việc trong sản xuất, HSSV tốt nghiệp đáp ứng ngay các vị trí làm việc và thích ứng nhanh với công nghệ trong sản xuất. Tuy nhiên hiện nay nhiều DoN chưa có điều kiện phát triển, chiến lược kinh doanh hạn hẹp, sức cạnh tranh yếu nên rất ít quan tâm đầu tư, do đó nhiều CSDN thuộc DoN phải tự bươn trải để tồn tại.

Nội dung phối hợp liên kết được triển khai theo điều phối của chính DoN để tác động đến quá trình đào tạo. Mặt khác, ngoài việc đào tạo cho các đơn vị sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, CSDN còn tổ chức các khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội và hỗ trợ các DoN khác khi dư thừa năng lực.

Điều kiện áp dụng:

- Đối với doanh nghiệp: Phải quan tâm đến phát triển ĐTN để phát triển sản xuất và chất lượng lao động là nhân tố quyết định sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- CSDN phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.



Hình 1. 4. Mô hình cơ sở dạy nghề trong doanh nghiệp

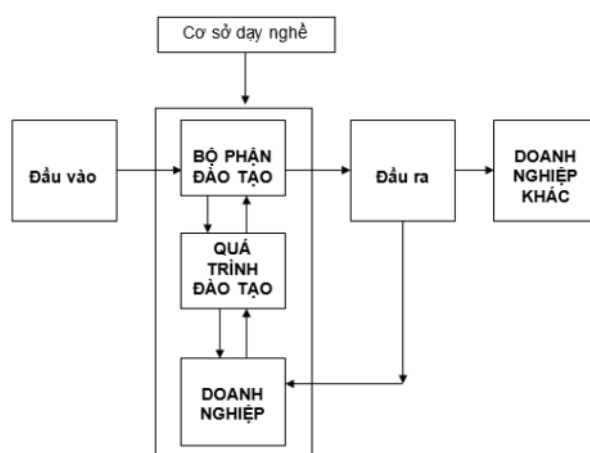
(3) Mô hình liên kết trong mô hình doanh nghiệp thuộc cơ sở dạy nghề

Đặc điểm:

Đây cũng là mô hình hoạt động hiệu quả gắn đào tạo với sản xuất kinh doanh cùng ngành nghề đào tạo. Tuy nhiên mô hình này hiện nay chưa phát triển mạnh do các CSDN chưa mạnh dạn đầu tư vào sản xuất, mặt khác cũng chưa có chính sách ưu đãi miễn giảm thuế và kinh nghiệm quản lý cơ sở sản xuất của lãnh đạo CSDN còn hạn chế.

Điều kiện:

- Nghề đào tạo gắn với ngành nghề sản xuất và kinh doanh của các DoN;
- CSDN phải quan tâm đến phát triển DoN và biết quản lý DoN trong môi trường vừa kinh doanh vừa đào tạo;
- CSDN phải cân bằng lợi ích giữa đơn vị đào tạo và đơn vị kinh doanh. lao động là nhân tố quyết định sức cạnh tranh của doanh nghiệp.



Hình 1. 5. Mô hình liên kết DoN thuộc CSDN

(4) Mô hình liên kết đối với mô hình Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng tại các KCN

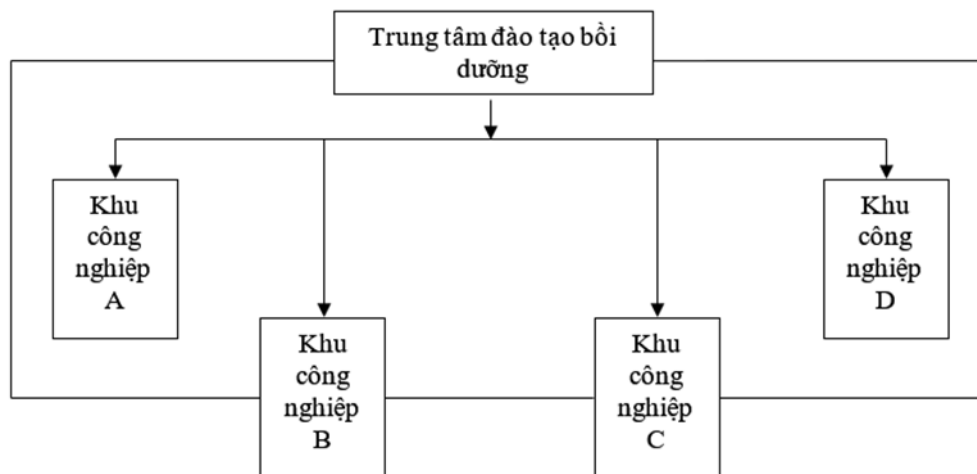
Đặc điểm:

Theo mô hình này các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng hoạt động độc lập tại các KCN nhằm một số mục tiêu chủ yếu sau:

- Đáp ứng nhu cầu lao động của các DoN trong một số KCN tập trung;
- Bồi dưỡng cập nhật kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghề cho HSSV sau đào tạo để tiếp cận với các vị trí việc làm của doanh nghiệp; bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng thực hành nghề cho GVDN và cán bộ quản lý;
- Tiếp nhận đào tạo một số mô đun kỹ năng nghề ở những năm cuối của quá trình đào tạo (ở các CSDN độc lập hoặc CSDN thuộc doanh nghiệp);
- Chuyển giao công nghệ (công nghệ dạy học, công nghệ mới, ứng dụng triển khai công nghệ và kỹ thuật vào sản xuất); Trung tâm đào tạo bồi dưỡng hoạt động theo cơ chế dịch vụ và hình thành mạng liên kết (Với một số CSDN và doanh nghiệp)

Điều kiện:

Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng phải đặt tại KCN mạnh để có nhiều loại hình dịch vụ đào tạo.



Hình 1. 6. Mô hình liên kết với Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng tại các khu công nghiệp và các cụm công nghiệp

3.2. Các phương thức giáo dục nghề nghiệp

3.2.1. Đào tạo theo tiêu chuẩn nghề

Đào tạo theo năng lực nghề nghiệp là phương thức đào tạo theo tiêu chuẩn nghề. Đặc điểm cơ bản nhất có ý nghĩa trung tâm của đào tạo theo NLTH là nó định hướng và chú trọng vào kết quả đầu ra của quá trình đào tạo nghề, điều đó có nghĩa là: Từng người học có thể làm được cái gì trong một tình huống lao động nhất định theo tiêu chuẩn nghề.

Trong đào tạo theo NLTH, một người có NLTH là người:

- Có khả năng làm được cái gì đó. (Điều này có liên quan tới nội dung chương trình đào tạo)
- Có thể làm được những cái đó tốt như mong đợi. (Điều này có liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập của người học dựa vào tiêu chuẩn nghề).

Chương trình đào tạo phải có sự xác định một cách rõ ràng những gì cần đạt được và những tiêu chuẩn cho việc đo lường các thành quả. Mỗi người học làm được thông thạo cái gì đó sau một thời gian học tập dài, ngắn khác nhau tùy thuộc chủ yếu vào khả năng, nhịp độ học của người đó. Người học thực sự được coi là trung tâm và có cơ hội phát huy tính tích cực, chủ động của mình, người học được phép tích lũy tín chỉ về những gì đã học trước đó, không phải học lại những điều đã học một khi đã được công nhận là đã thông thạo, có khả năng thực hiện chúng theo tiêu chuẩn nghề.

Tuy nhiên đào tạo theo mô hình này cũng có các hạn chế nhất định như sau :

- Người học khó thích ứng nhanh với thay đổi của công việc trong lao động nghề nghiệp do đào tạo hướng sâu vào một hoặc vài công việc cụ thể;
- Phải có điều kiện (trang thiết bị, vật liệu, tài liệu kỹ thuật) và môi trường gắn đào tạo với việc làm trực tiếp (tương tự như ở chỗ làm việc);
- Tổ chức đào tạo phức tạp do chương trình đào tạo linh hoạt, tính cá nhân hoá cao.

Ưu điểm:

Đào tạo theo NLTH đáp ứng được nhu cầu của cả người học lẫn người sử dụng lao động qua đào tạo; Người tốt nghiệp chương trình đào tạo theo NLTH là người một mặt đạt được sự thành thạo công việc theo các tiêu chuẩn quy định, tức là đáp ứng yêu cầu sử dụng, đồng thời, mặt khác lại có thể dễ dàng tham gia các khoá đào tạo nâng cao hoặc cập nhật các NLTH mới để di chuyển vị trí làm việc.

Hạn chế:

Nội dung chương trình cấu trúc thành các môđun “tích hợp” dẫn tới, đó là người học không được trang bị một cách cơ bản, toàn diện và có hệ thống các kiến thức theo logic khoa học, không có đủ cơ hội hiểu sâu sắc bản chất lý thuyết của các sự vật, hiện tượng như “truyền thông” lâu nay khi học theo các môn học lý thuyết, vì vậy sẽ có thể hạn chế phần nào năng lực sáng tạo trong hành nghề thực tế ở người học.

Để hiểu rõ thêm về phương thức đào tạo theo NLTH ta có thể so sánh với phương thức đào tạo theo truyền thống, tức là phương thức quen thuộc lâu nay chúng ta thường vẫn sử dụng. Giữa hai phương thức này có sự khác biệt rất cơ bản. (Xem Bảng 1)

Bảng 1: Các đặc trưng cơ bản phân biệt đào tạo theo NLTH và đào tạo theo truyền thống

Đặc trưng	Đào tạo theo NLTH	Đào tạo theo truyền thống
Người học học cái gì?	- Theo các kết quả riêng biệt, được trình bày chính xác (thường gọi là NLTH hoặc công việc). Chúng đã được xác định là then chốt để làm việc thành công. - Những NLTH đó được xác định sẵn và mô tả chính xác về cái mà người học sẽ có khả năng làm được khi học xong chương trình.	- Thường theo sách giáo khoa, đề cương khoá học hay các tài liệu tham khảo khác từ nghề đào tạo. - Người học hiếm khi biết chính xác họ sẽ học cái gì trong mỗi phần của chương trình. - Chương trình đào tạo thường được XD theo các môn học, phần, chương, mục ... ít có ý nghĩa trong nghề. GV tập trung vào bao quát tài liệu giảng dạy
Người học học như thế nào?	- Người học được tổ chức hoạt động học tập, hướng vào người học. Tài liệu học tập được thiết kế cẩn thận với chất lượng cao. Phương tiện và tài liệu giúp người học thông thạo công việc. - Tài liệu được tổ chức sao cho mỗi người học có thể dừng lại, đi chậm hoặc nhanh hoặc nhắc lại khi cần để học một cách có hiệu quả theo nhịp độ cá nhân. - Có thông tin phản hồi đều đặn trong suốt quá trình học tập tạo cơ hội cho người học điều chỉnh, sửa chữa sự thực hiện của mình.	- Dựa vào GV là chủ yếu, cá nhân giáo viên truyền đạt thông qua trình diễn sống động, diễn giảng, thảo luận hoặc các hoạt động lấy GV làm trung tâm. - Người học ít có cơ hội kiểm tra quá trình và không gian giờ học. - Thường có ít thông tin phản hồi đều đặn theo chu kỳ trong quá trình dạy học
Khi nào người học chuyển sang học ND khác?	Cung cấp cho mỗi người học có đủ thời gian cho phép để thông thạo hoàn toàn một công việc trước khi được phép chuyển sang học công việc tiếp sau.	Thường đòi hỏi cả lớp hoặc nhóm người học trong cùng một lượng thời gian như nhau. Cả nhóm sau đó mới chuyển sang đơn vị học tập tiếp sau một khoảng thời gian cố định. Lúc đó có thể quá sớm hoặc quá muộn đối với người học trong lớp, nhóm.